TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ UÔNG BÍ TỈNH QUẢNG NINH	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 48/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 30 - 9 - 2024
V/v: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ UÔNG BÍ, TỈNH QUẢNG NINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Thanh Hải.

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Văn Hạnh.

2. Bà Vũ Thị Minh Thuỳ.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Phạm Văn Thắng - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh tham gia phiên toà:* Bà Lê Thị Kiều Oanh - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 97/2024/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 8 năm 2024 về việc:*"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 50/2024/QĐXXST – HNGĐ ngày 13 tháng 9 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: anh Đoàn Xuân K, sinh năm 1984.

Địa chỉ: tổ A, khu F, phường Q, thành phố U, tỉnh Quảng Ninh, có mặt.

- Bị đơn: chị Nguyễn Thị Thanh H, sinh năm 1987.

Địa chỉ: tổ A, khu F, phường Q, thành phố U, tỉnh Quảng Ninh, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 29 tháng 7 năm 2024, bản tự khai ngày 28 tháng 8 năm 2024, quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Đoàn Xuân K trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: anh Đoàn Xuân K và chị Nguyễn Thị Thanh H kết hôn ngày 25 tháng 9 năm 2009, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Q, thành phố U, tỉnh Quảng Ninh, hai bên kết hôn trên cơ sở tự nguyện. Trong quá trình chung sống, vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyễn nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không hợp tính nhau, bất đồng về quan điểm sống, vợ chồng không tin tưởng nhau, mâu thuẫn vợ chồng đã được gia đình khuyên can, hòa giải nhưng vợ chồng không khắc phục được. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 6/2024 đến nay và không còn quan tâm đến nhau. Nay anh K xác định không còn tình cảm và không thể duy trì quan hệ hôn nhân với chị H nữa nên đề nghị Tòa án giải quyết cho được ly hôn với chị Nguyễn Thị Thanh H.

Về con chung: Anh K và chị H có 02 con chung, tên là Đoàn Ngọc Mai A, sinh ngày 12/4/2010 và Đoàn Hữu D, sinh ngày 03/3/2012. Nếu ly hôn, anh K nhận nuôi con chung Đoàn Hữu D, giao con chung Đoàn Ngọc Mai A cho chị H nuôi, không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung. Lý do anh K nhận nuôi cháu D là vợ chồng có 02 con chung, giao con gái cho chị H nuôi, giao con trai cho anh K nuôi là hợp lý, vì mỗi người nuôi một con sẽ cùng san sẻ trách nhiệm cho nhau trong việc nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con và con chung là nhu cầu tình cảm của cha mẹ. Anh K có công việc, chỗ ở, thu nhập ổn định, đủ khả năng tài chính đảm bảo các điều kiện vật chất và tinh thần nuôi dạy con Đoàn Hữu D.

Về tài sản chung: anh K không yêu cầu Toà án giải quyết.

Ngoài ra anh K trình bày mặc dù anh là người khuyết tật, nhưng thực tế anh vẫn đủ sức khoẻ đi lại, sinh hoạt, làm kinh tế và không phụ thuộc vào ai nên hoàn toàn đủ

điều kiện nuôi con chung. Anh K thuộc diện người khuyết tật nhưng xin từ chối trợ giúp pháp lý, đề nghị Toà án miễn án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Tại bản tự khai ngày ngày 28 tháng 8 năm 2024, quá trình giải quyết vụ án, bị đơn chị Nguyễn Thị Thanh H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Sự kiện kết hôn như anh K trình bày là đúng. Trong quá trình chung sống, vợ chồng có nhiều mâu thuẫn xảy ra, nguyên nhân là do vợ chồng không hợp tính nhau, bất đồng về quan điểm sống, vợ chồng đã sống ly thân và không còn quan tâm đến nhau. Nay anh K có đơn xin ly hôn với chị H, chị H đồng ý và đề nghị Tòa án giải quyết cho vợ chồng được ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung như anh K trình bày là đúng, nếu ly hôn, chị H nhận nuôi cả hai con chung và không yêu cầu anh K phải cấp dưỡng nuôi con. Lý do chị H nhận nuôi cả hai con chung là chị H có điều kiện kinh tế, có công việc và chỗ ở ổn định, đủ điều kiện nuôi cả hai con, cả hai con đều có nguyện vọng muốn ở với chị H, về phía anh K hiện nay đang bị khuyết tật, sống phụ thuộc vào người khác, nguồn thu nhập không ổn định nên không đủ điều kiện nuôi con.

Tại biên bản lấy ý kiến con chưa thành niên của đương sự ngày 28 tháng 8 năm 2024 của Toà án nhân dân thành phố Uông Bí, cháu Đoàn Ngọc Mai A, sinh ngày 12/4/2010 và Đoàn Hữu D, sinh ngày 03/3/2012 đều có ý kiến nếu Toà án giải quyết cho bố, mẹ ly hôn thì nguyện vọng của hai cháu muốn ở với mẹ là chị Nguyễn Thị Thanh H.

Tại biên bản xác minh ngày 27 tháng 8 năm 2024, bà Bùi Thị H1 là mẹ của anh Đoàn Xuân K cung cấp thông tin: Trong cuộc sống vợ chồng của anh K và anh H có mâu thuẫn xảy ra, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không tin tưởng nhau, chị H và anh K đã sống ly thân, nay anh K có đơn xin ly hôn với chị H, bà H1 đề nghị Toà án giải quyết theo quy định của pháp luật. Về con chung: anh K và chị

H có 02 con chung là cháu Đoàn Ngọc Mai A, sinh ngày 12/4/2010 và Đoàn Hữu D, sinh ngày 03/3/2012, bà H1 đề nghị Toà án giao con chung Đoàn Hữu D cho anh K nuôi, giao con chung Đoàn Ngọc Mai A cho chị H nuôi, với lý do con cái là nhu cầu tình cảm của cha, mẹ, anh K hoàn toàn có đủ điều kiện nuôi cháu D vì anh K có chỗ ở ổn định, nhà cửa khang trang, anh K đang cùng bà H1 kinh doanh mặt hàng điện nước nên có thu nhập đảm bảo cuộc sống cho cháu D, bà H1 và gia đình có trách nhiệm phụ giúp anh K trong việc nuôi, dạy chăm sóc cháu D.

Tại biên bản xác minh ngày 27 tháng 8 năm 2024, đại diện chính quyền khu F, phường Q cung cấp thông tin: Chính quyền khu F, phường Q không nắm được mâu thuẫn vợ chồng của anh K và chị H, chính quyền khu chỉ biết hiện nay anh K và chị H không sống chung với nhau nữa. Anh K vẫn ở tổ A, khu F, phường Q, thành phố U cùng với mẹ là bà Bùi Thị H1, anh K và bà H1 hiện nay đang kinh doanh mặt hàng điện, nước, anh K có chỗ ở ổn định, nhà cửa khang trang, thuận tiện mọi mặt trong cuộc sống.

Tại phiên toà, nguyên đơn anh Đoàn Xuân K và bị đơn chị Nguyễn Thị Thanh H trình bày và giữ nguyên quan điểm giải quyết vụ án như đã nêu trên.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Uông Bí phát biểu ý kiến:

Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng quy đinh khi thụ lý vụ án về trình tự, thủ tục, thẩm quyền, xác định mối quan hệ tranh chấp và tư cách của những người tham gia tố tụng. Các hoạt động xác minh thu thập chứng cứ, hòa giải, thời hạn giải quyết vụ án đảm bảo quy định. Hoạt động giải quyết của Thẩm phán đúng quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc tống đạt văn bản cho đương sự, giao tài liệu, quyết định, hồ sơ cho Viện kiểm sát đảm bảo thời hạn.

Hội đồng xét xử và Thư ký phiên toà đã tuân theo đúng và đầy đủ quy định về pháp luật tố tụng dân sự khi xét xử.

Nguyên đơn và bị đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo đúng quy định tại các Điều 70, 71, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án:

Về hôn nhân: Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng anh K, chị H đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, anh K xin ly hôn với chị H. Chị H cũng thừa nhận về mâu thuẫn vợ chồng và đồng ý ly hôn nên có căn cứ chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh K theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về con chung: anh K và chị H có 02 con chung là Đoàn Ngọc Mai A, sinh ngày 12/4/2010 và Đoàn Hữu D, sinh ngày 03/3/2012. Anh K nhận nuôi cháu D, giao cháu Mai A cho chị H nuôi dưỡng, không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung. Còn chị H nhận nuôi cả 2 con không yêu cầu cấp dưỡng. Nguyên nhân chị cho rằng anh K là người khuyết tật, sống phụ thuộc vào người khác không đủ khả năng nuôi con. Lấy lời khai 02 con chung đều muốn ở với mẹ nếu bố mẹ ly hôn, thấy rằng cả hai anh chị đều là người có đủ điều kiện để nuôi con. Tuy anh K là người khuyết tật về vận động nhưng vẫn đi lại, sinh hoạt bình thường; có nhà ở, có thu nhập (kinh doanh thiết bị điện, nước, kim khí, tổng hợp); các con chung cũng đều đã 12 và 14 tuổi. Theo quy định của pháp luật, cha và mẹ đều có quyền và nghĩa vụ để nuôi dưỡng, chăm sóc con cái và đảm bảo cho sự phát triển tốt nhất của con chung. Do đó chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh K, giao mỗi người nuôi 01 con chung, không ai phải cấp dưỡng nuôi con là phù hợp với quy định tại Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình

Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên không đề cập đến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và ý kiến của các đương sự, đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tranh chấp về ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn giữa anh Đoàn Xuân K và chị Nguyễn Thị Thanh H đều có địa chỉ tại thành phố U và nguyên đơn khởi kiện tại Tòa án thành phố U là thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Uông Bí theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung cần giải quyết của vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Đoàn Xuân K và chị Nguyễn Thị Thanh H có đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền nên là hôn nhân hợp pháp. Căn cứ lời khai của đương sự và biên bản xác minh của Tòa án trong quá trình giải quyết vụ án cùng các tài liệu, chứng cứ khác, Hội đồng xét xử nhận định nguyên nhân mâu thuẫn giữa anh K và chị H là do vợ chồng bất đồng về quan điểm sống, vợ chồng không quan tâm, tin tưởng, chăm sóc, giúp đỡ nhau, từ những nguyên nhân này là cuộc sống vợ không hạnh phúc, mâu thuẫn đỉnh điểm dẫn đến hai người đã sống ly thân từ tháng 6/2024 cho đến nay và không còn quan tâm đến nhau. Trong quá trình giải quyết vụ án, Toà án đã tiến hành hoà giải cho các đương sự, tạo điều kiện cho các bên tìm tiếng nói chung và cũng tại phiên toà, anh K và chị H cũng thừa nhận mẫu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng và cùng đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết cho vợ chồng được ly hôn, căn cứ Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử giải quyết cho anh Đoàn Xuân K và chị Nguyễn Thị H được ly hôn.

[2.2] Về con chung: Các đương sự có 02 con chung Đoàn Ngọc Mai A, sinh ngày 12/4/2010 và Đoàn Hữu D, sinh ngày 03/3/2012. Anh Đoàn Xuân K nhận nuôi con chung Đoàn Hữu D và không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con; chị Nguyễn Thị Thanh H nhận nuôi cả hai con chung và không yêu cầu anh K phải cấp dưỡng nuôi con, cả hai

con chung đều có nguyện vọng muốn ở với chị H. Hội đồng xét xử xét thấy theo quy định tại Điều 69, Điều 71 và Điều 72 Luật hôn nhân và gia đình quy định cha, mẹ có quyền, nghĩa vụ ngang nhau trong việc trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chưa thành niên, cả anh K và chị H đều có công việc, thu nhập và chỗ ở ổn định nên đều đủ điều kiện nuôi con chung. Đối với anh K mặc dù được nhà nước xác nhận là người khuyết tật, nhưng thực tế anh K vẫn đủ sức khoẻ đi lại, sinh hoạt, làm kinh tế và không phụ thuộc vào ai, hơn nữa đại diện gia đình có ý kiến sẽ phụ giúp anh K trong việc chăm sóc con chung. Hội đồng xét xử xem xét tổng thể, thấy anh K và chị H có 02 con chung, con chung là nhu cầu tình cảm của cha, mẹ và để đảm bảo sự phát triển toàn diện về thể chất và tinh thần của con chung, đảm bảo quyền và nghĩa vụ của cha, mẹ đối với con nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của anh K, giao con chung Đoàn Hữu D cho anh K trực tiếp nuôi; giao con chung Đoàn Ngọc Mai A cho chị H trực tiếp nuôi, không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung. Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu của chị H về việc chị H đề nghị giao cả hai con chung cho chị H nuôi. Sau khi ly hôn, quyền và nghĩa vụ của đương sự đối với con chung được thực hiện theo quy định của pháp luật.

[2.3] Về tài sản chung: Anh Đoàn Xuân K và chị Nguyễn Thị Thanh H không đề nghị Toà án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.4] Về án phí ly hôn sơ thẩm: Nguyên đơn thuộc diện người khuyết tật và có đơn xin miễn án phí nên được miễn án phí dân sự sơ thẩm, trả lại nguyên đơn tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[3] Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Khoản 1 Điều 51; Điều 55; Điều 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

- Điểm đ kho ản 1 Điều 12 và khoản 6 Điều 15 Nghị quy ết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận đơn khởi kiện ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn của anh Đoàn Xuân K.

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Đoàn Xuân K và chị Nguyễn Thị Thanh H.

2. Về con chung:

Giao con chung Đoàn Hữu D, sinh ngày 03/3/2012 cho anh Đoàn Xuân K trực tiếp nuôi kể từ tháng 9 năm 2024 cho đến khi thành niên (đủ 18 tuổi).

Giao con chung Đoàn Ngọc Mai A, sinh ngày 12/4/2010 cho chị Nguyễn Thị Thanh H trực tiếp nuôi kể từ tháng 9 năm 2024 cho đến khi thành niên (đủ 18 tuổi).

Anh Đoàn Xuân K và chị Nguyễn Thị Thanh H không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con chung có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở, đồng thời không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về án phí: Miễn án phí ly hôn sơ thẩm cho nguyên đơn anh Đoàn Xuân K.

Trả lại anh Đoàn Xuân K 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0002708 ngày 07 tháng 8 năm 2024 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh.

4. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, có mặt nguyên đơn anh Đoàn Xuân K và bị đơn chị Nguyễn Thị Thanh H, báo cho anh K và chị H biết được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Quảng Ninh;
phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh;
- Chi cục Thi hành án dân sự TP Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh;
- UBND phường Quang Trung, TP Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh (nơi ĐKKH);
- Các đương sự.
- Lưu hồ sơ vụ án; VP./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Viện kiểm sát nhân dân thành
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thanh Hải